

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/09/2018.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Hương**.

2. Ông **Ngô Tất Hoàn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 09 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 08 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1976. (có mặt).

Trú tại: Số 4/39B ấp A,, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tạm trú tại: Đường R, khóm B, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

*Bị đơn: Ông **Trần Thanh V**, sinh năm 1973. (vắng mặt).

Trú tại: Số 4/39B, ấp A, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/07/2018, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Thanh V tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng từ hơn 02 năm nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin ly hôn với ông Trần Thanh V.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T, ông V có hai con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh năm 1998 và cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/03/2007. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con (hiện cháu Huyền đang sống cùng bà T). Đối với cháu T đã đủ tuổi trưởng thành có đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà T không có yêu cầu gì khi ly hôn.

Về tài sản chung: Bà và ông V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà và ông V không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Thanh V trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đối với việc bà T yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý do cuộc sống chung không còn hạnh phúc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà T có hai con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh năm 1998 và cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/03/2007. Khi ly hôn ông đồng ý giao cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cháu Huyền đang sống cùng bà T). Đối với cháu Tú đã đủ tuổi trưởng thành có đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông V không có yêu cầu gì khi ly hôn.

Về tài sản chung: Ông và bà T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông và bà T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, xét thấy Tòa án nhân dân thành phố B đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B không có ý kiến gì.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy vào năm 1995 bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Thanh V tự nguyện chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên có đủ cơ sở để tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Thanh V là vợ chồng. Về con chung: Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/03/2007 và ông V đồng ý với yêu cầu này nên cần được ghi nhận. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu. Về tài sản chung: Ông V, bà T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết tại phiên tòa hôm nay. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Trần Thanh V nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trần Thanh V, trú tại ấp A, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Thanh V có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là ông Trần Thanh V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1995, bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Thanh V tự nguyện chung sống vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà T xin ly hôn và ông V cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà T với ông V chung sống vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thanh T mà tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Thanh V là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà T với ông V thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà có hai con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh năm 1998 và cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/03/2007 (hiện cháu H đang sống cùng bà T). Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huyền, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con và ông V đồng ý; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Huyền. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của bà T và ông V là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án ghi nhận. Đối với cháu T đã đủ tuổi trưởng thành có đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà T và ông V không có yêu cầu gì khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[6] Về nợ chung: Bà T và ông V thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh V nên bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Trên cơ sở phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không công nhận bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Thanh V là vợ chồng.

2/. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/03/2007 cho bà Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (hiện nay cháu Huyền đang sống cùng bà T). Ông Trần Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung: Bà T, ông V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

4/. Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008456 ngày 26/07/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, nay được chuyển thu án phí.

Bà Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Thanh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP.B;
- THA TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

Tăng Trần Quỳnh Phương